

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ XUYỀN  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05 /2018/HNGĐ-ST

Ngày 11/4/2018

Về việc: *Chị N xin ly hôn*

*anh D*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYỀN**

**- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quang*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Văn Thuật

2. Bà Đỗ Thị Hường

**- Thư ký ghi biên bản phiên toà:** Bà Ngô Thị Hưng Vân; Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên tham gia phiên toà:** Ông Phùng Thế Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11/4/2018 tại trụ sở TAND huyện Phú Xuyên để xét xử công khai vụ án thụ lý số: 20/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 2 năm 2018. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2018/QĐXX-LH ngày 29 tháng 3 năm 2018; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: *Chị Nguyễn Thị N*; sinh năm 1988.

HKTT: *Thôn C, xã G, huyện S, TP Hà Nội.*

Trú tại: *Thôn C, xã G, huyện S, TP Hà Nội.*

Và bị đơn: *Anh Nguyễn Văn D*, sinh năm 1982;

HKTT: *Thôn H, xã T, huyện X, TP Hà Nội.*

*Chị N có mặt, anh D có mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn xin ly hôn ghi ngày 11/1/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án tại toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:*

*Chị N và anh Nguyễn Văn D, tự nguyện kết hôn vào ngày 12/8/2014. Đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện S, thành phố Hà Nội. Sau khi cưới, chị về chung sống với anh D ngay và sống cùng với gia đình anh D. Khoảng một tuần hai vợ chồng chị sang thuê nhà bên Sóc Sơn để ở và làm việc. Quan hệ vợ chồng hoà thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính, anh*

D hay ghen tuông và thường xuyên đánh đập ngược đãi chị. Nên đến đầu năm 2017 thì vợ chồng chị sống ly thân, anh D bỏ về quê ở Phú Xuyên còn chị vẫn ở lại bên Sóc Sơn làm việc. Chị và anh D sống ly thân từ đó cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, hạnh phúc không có, chị N đề nghị được ly hôn anh D.

Về con chung: Anh chị có một cháu là Nguyễn Tùng L, sinh ngày 10/11/2015, hiện cháu đang ở cùng chị nên chị đề nghị được nuôi con và không yêu cầu anh D phải đóng góp tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung vợ chồng: Không có gì. Chị không yêu cầu Tòa xét.

*Phía bị đơn, tại lời khai ngày 2/4/2018 anh Nguyễn Văn D trình bày:*

*Về hôn nhân:* Anh D xác nhận, anh và chị N kết hôn tự nguyện năm 2014, vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn là đúng. Năm 2017, chị N vẫn là việc bên Sóc Sơn còn anh về Phú Xuyên ở, mâu thuẫn vợ chồng không lớn, nay chị N xin ly hôn, anh không đồng ý, phần vì còn tình cảm vợ chồng, phần vì do mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, đề nghị Tòa án hòa giải cho đoàn tụ.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Tùng L sinh ngày 10/11/2015 như lời chị N trình bày. Anh đề nghị được đoàn tụ nên không đề cập đến chuyện nuôi con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung: Không có gì, anh không yêu cầu Tòa xét.

*Tại phiên tòa:* Chị N giữ nguyên quan điểm của mình về việc kiện.

*Đại diện VKSND huyện Phú Xuyên tham gia phiên toà phát biểu:*

*Về tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các qui định về thủ tục tố tụng của Pháp luật TTDS trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn đã thực hiện nghĩa vụ tham gia tố tụng nhưng chưa đầy đủ. Đề nghị HĐXX, xét xử vụ án theo qui định của pháp luật.

*Về nội dung:* Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N. Giao chị N chăm sóc nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Tùng L. Không xét quan hệ tài sản chung vợ chồng. Chị N phải chịu án phí LHST theo qui định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Trên cơ sở lời trình bày của đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

*Về tố tụng:* Tại phiên tòa, anh D vắng mặt không có lý do và đây đã là lần thứ hai anh D vắng mặt. Vì vậy, theo qui định tại điều 227, 228 Bộ luật TTDS, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh D.

*Về Nội dung:*

*Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn D tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Giang, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

vào ngày 12/8/2014. Sau khi cưới, các bên cùng về chung sống với gia đình anh D ở xã Khai Thái một thời gian sau đó sang Sóc Sơn thuê nhà để ở. Quan hệ vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính, quan điểm lối sống khác biệt. Nên đến tháng 1/2017, anh D về Phú Xuyên ở còn chị N vẫn ở bên Sóc Sơn. Nay chị N xin ly hôn, anh D không đồng ý, thế nhưng phía anh D lại không có thiện chí về Tòa án để được Tòa án hòa giải cho đoàn tụ, hơn nữa lý do anh D xin đoàn tụ là vì thương con, chứ không hẳn xuất phát từ nhu cầu hàn gắn tình cảm vợ chồng, vì vậy, yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N là có căn cứ. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian ly thân đã 01 năm, cần áp dụng các qui định tại điều 51, 56, 57 Luật HN và GD và điều 39 BLDS xử cho chị N được ly hôn anh D là phù hợp.

Về con chung: Vợ chồng có một cháu là Nguyễn Tùng L, sinh ngày 10/11/2015 hiện nay cháu đang nhỏ và ở cùng chị N. Xét đề nghị nuôi con của các bên, HĐXX nhận thấy, yêu cầu của chị N là phù hợp hơn, bởi lẽ, chị N đã nuôi dưỡng cháu từ bé và hiện nay cháu cũng còn nhỏ tuổi cần sự chăm sóc của người mẹ, chị N hiện đang là công nhân, theo chị thu nhập khoảng hơn 7 triệu đồng một tháng nên chị đủ điều kiện để lo cho cháu L.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không đề nghị anh D phải đóng góp tiền nuôi con chung nên Tòa không xét cho đến khi một hoặc các bên có yêu cầu hoặc có sự thay đổi của theo qui định của pháp luật. Các bên được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung vợ chồng: Anh D, chị N đều thống nhất không có gì và không đề nghị Tòa xét, nên không xét.

Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Bởi những nhận định trên

### TOÀ QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 39 BLDS; Khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật TTDS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.

- **Về hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn D

- **Về con chung:** Giao cháu là Nguyễn Tùng L, sinh ngày 10/11/2015, cho chị Nguyễn Thị N được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục.

Tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho các bên đến khi một hoặc cả hai bên có yêu cầu hoặc có sự thay đổi của theo qui định của pháp luật.

Anh D, chị N được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

- **Về án phí:** Chị Nguyễn Thị N phải nộp **300.000 đ** (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số **300.000đ** (ba trăm ngàn đồng) tiền

tạm ứng án phí nộp tại phiếu thu số AE/2010/0004951 ngày 28/2/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên. Chị N đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Nguyễn Văn Quang**